TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2022/DS-ST
Ngày: 24-5-2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Quế.
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ngày 24/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 123/2021/TLST-DS ngày 26/10/2021 về việc ***"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 18/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Duy P, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Tổ 11, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Thôn Hbang, xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Anh P có đơn xin xét xử vắng mặt; chị N vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn Anh Trần Duy P trình bày: Vào ngày 24/7/2020 anh có cho Chị Nguyễn Thị Tuyết N, trú tại: Thôn Hbang, xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai mượn số tiền là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*). Khi anh P cho mượn tiền, chị N đã tự nguyện ghi nội dung vào Giấy mượn tiền có mẫu sẵn, rồi ký, ghi rõ họ tên người mượn tiền và giao lại cho anh P giữ. Trong giấy mượn tiền có nội dung hẹn trong vòng 10 ngày sẽ trả số tiền nợ trên. Anh P đã cung cấp Giấy mượn tiền cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện. Qua thời gian hẹn trả nợ, chị N đã không trả được khoản tiền nợ cho anh P, mặc dù anh đã nhiều lần đến nhà chị N để yêu cầu trả nợ nhưng chị N không trả mà tiếp tục hẹn. Vì vậy, anh P khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện K yêu cầu chị N phải trả cho anh số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*). Anh P không yêu cầu chị N trả tiền nợ lãi.

Đối với bị đơn Chị Nguyễn Thị Tuyết N: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã triệu

tập chị N đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức. Nhưng chị N cố tình trốn tránh, không chấp hành mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để chị N thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

***Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm*:** 01 Bản gốc Giấy mượn tiền đề ngày 24/7/2020, có nội dung "*Hôm nay ngày 24 tháng 7 năm 2020. Tôi tên: Nguyễn Thị Tuyết N…Địa chỉ thường trú: xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mượn của ông: Trần Duy P…với số tiền là 60.000.000 đ. Bằng chữ sáu mươi triệu đồng. Thời gian 10 ngày sẽ trả số tiền trên.*" Người mượn tiền ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Thị Tuyết N; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Duy P (bản photo).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1977, có địa chỉ tại làng Thôn Hbang, xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện qua các Biên bản không thực hiện được việc tống đạt văn bản tố tụng do Trưởng thôn Hbang, xã L cung cấp thông tin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi suất; bị đơn cư trú tại địa bàn huyện K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập chị N đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn Anh Trần Duy P vắng mặt nhưng anh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Trần Duy P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền đề ngày 24/7/2020, có nội dung Nguyễn Thị Tuyết N mượn Trần Duy P số tiền là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) phía dưới có chữ ký của chị N. Trong giấy mượn tiền chị N hẹn 10 ngày sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh P, tuy nhiên đến nay chị N vẫn chưa trả được nợ cho anh P.

Mặc dù chị N không có lời khai tại Tòa án nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N nên chị N biết rõ việc anh P khởi kiện nhưng chị N cố tình trốn tránh, vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chị N đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy có đủ cơ sở để xác định,

hiện bị đơn Chị Nguyễn Thị Tuyết N vẫn còn nợ nguyên đơn Anh Trần Duy P số tiền 60.000.000 đồng đã được ghi nhận trong giấy mượn tiền ngày đề ngày 24/7/2020. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Trần Duy P, buộc bị đơn Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Anh Trần Duy P được chấp nhận toàn bộ nên anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Trần Duy P.

Buộc bị đơn Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải trả cho nguyên đơn Anh Trần Duy P số tiền nợ là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án (anh P) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (chị N) thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên (60.000.000 đồng), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn Anh Trần Duy P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng (*một triệu, năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0003301 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngọc